

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Liệt
- Ông Lê Văn Dài

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST – DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81A/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Chí H: 1969

Địa chỉ: số C, đường T, ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Lê Ngọc P: 1970

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Anh H1 chị P1 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hoà giải nguyên đơn anh Lê Chí H1 trình bày:

- *Về hôn nhân*: anh H2 biết, yêu thương và xác lập mối quan hệ vợ chồng vào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V 10/9/2092. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Trong thời gian chung sống đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được đến tháng 01/2000 anh H3 P2 thân cho đến nay cũng không hàn gắn tình cảm đoàn tụ sống chung cùng nhau. Nay anh H4 cầu ly hôn với chị Lê Ngọc P1

- *Về con chung*: anh H3 P4 sống với nhau có 01 con chung họ và tên Lê Thị Mỹ D 13/3/1994 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Lê Ngọc P1*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn chị P vắng mặt không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của anh H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị P5 trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81A/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 82/QĐST – DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, vụ án được xét xử vào lúc 7 giờ 30 ngày 28 tháng 6 năm 2024 bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị P là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa anh H1 chị P chung sống với nhau vào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V 10/9/2092. Việc kết hôn giữa anh H và chị P là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Anh H, chị P chung sống hạnh

phúc đến tháng 01/2000 ly thân với nhau. Từ khi ly thân đến nay anh, chị không hàn gắn tình cảm sống chung lại với nhau được.

Xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai người, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới hạnh phúc. Anh H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị P, vì tình cảm không còn không có khả năng đoàn tụ chung sống với nhau. Vì vậy cho thấy mâu thuẫn giữa anh H5 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Cho nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị P là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: anh H3 P4 sống với nhau có 01 con chung họ và tên Lê Thị Mỹ D 13/3/1994 đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H5 định anh với chị P không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của chị P, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H6 chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh H5 có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Lê Chí H1** với chị **Lê Ngọc P3**

2. *Về con chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh H6 nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0006481 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Anh H7 nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị P7 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh